

## GỢI Ý TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. Những điểm giống và khác nhau giữa truyện thuyết và truyện cổ tích:

– Điểm giống nhau: cả hai thể loại này đều là truyện kể dân gian.

– Điểm khác nhau: GV dựa trên đặc điểm của truyện truyền thuyết (SGK) và truyện cổ tích (SGK), hướng dẫn HS tìm ra những điểm khác nhau dựa trên những tiêu chí như: nội dung, nhân vật, cốt truyện, yếu tố kì ảo.

2. Gợi ý sắp xếp các tiếng *trong, không, về* vào các chỗ trống trong câu ca dao:

*Cần Thơ gạo trắng nước trong*

*Ai đi đến đò lòng không muốn về.*

(Ca dao)

3. GV hướng dẫn học sinh dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK) và kinh nghiệm đọc các văn bản truyện đồng thoại trong bài *Những trải nghiệm trong đời* để trả lời câu hỏi này. Gợi ý:

– Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi.

– Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Vì thế, chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật hoặc đồ vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.

– Cốt truyện trong truyện đồng thoại thường là một chuỗi các sự việc có quan hệ nhân quả với nhau chặt chẽ, xoay quanh nhân vật chính (thường là loài vật hoặc đồ vật).

– Lời người kể chuyện thường là lời của tác giả (người kể chuyện ngôi thứ ba) hoặc lời của nhân vật (người kể chuyện ngôi thứ nhất). Đó là phần lời mà người kể chuyện dùng để kể về một sự kiện cụ thể và thể hiện những quan điểm, đánh giá, nhận xét và lời miêu tả của người kể chuyện đối với đối tượng mà mình đang kể (có thể là sự kiện, bối cảnh, nhân vật, ...). Còn lời của nhân vật là lời nói trực tiếp của các *nhân vật* trong truyện, thường được thể hiện dưới hình thức lời đối thoại hoặc độc thoại. Về chính tả, lời của nhân vật thường được tách biệt với lời của người kể chuyện bằng cách đặt sau dấu hai chấm hoặc dấu gạch đầu dòng.

4. GV hướng dẫn HS dựa vào phần *Tri thức đọc hiểu* (SGK) và kinh nghiệm đọc các văn bản hồi kí trong bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên* để xác định đặc điểm của thể loại hồi kí được thể hiện qua các câu trả lời a, b, d. Do đó câu trả lời c không phải là đặc điểm của thể loại hồi kí.

5. Tóm tắt các bước quy trình viết:

Bước	Hoạt động	Ý nghĩa
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	Xác định đề tài Mục đích Người đọc Thu thập tư liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giúp người viết xác định được các thông tin cần thiết về nội dung sẽ viết, mục đích viết và người đọc tương lai để lưu ý tìm kiếm, sắp xếp ý và lựa chọn ngôn ngữ sao cho hợp lí, đạt hiệu quả giao tiếp.</li> <li>– Việc thu thập tư liệu giúp người viết chuẩn bị tư liệu cho nội dung viết.</li> </ul>
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Dựa vào bước 1, tìm kiếm, liệt kê nhanh bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong đầu bằng cách viết tự do tất cả những từ, cụm từ liên quan đến đề tài bài viết mà không cần quan tâm đến ngữ pháp, chính tả. Việc tìm ý có thể được thực hiện theo hình thức cá nhân hoặc nhóm để huy động được càng nhiều ý tưởng càng tốt. Khi tìm ý, cần lưu ý đến đặc điểm của kiểu bài viết.</li> <li>– Lập dàn ý là sắp xếp các ý tưởng bằng một số cách như: thể hiện ý tưởng bằng sơ đồ mạng, sơ đồ chuỗi; tự kiểm tra lại dàn ý xem xem đã đáp ứng đề tài, mục đích viết, phù hợp với người đọc, thể hiện được đặc điểm kiểu bài,... hay chưa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Huy động, tìm kiếm ý tưởng cho bài viết.</li> <li>– Sắp xếp ý tưởng theo một trình tự hợp lí nhất để vừa đảm bảo được đặc điểm của kiểu bài, vừa thực hiện được mục đích viết.</li> </ul>

Bước 3: Viết bài	Viết bài dựa trên những tiêu chí đánh giá bài viết (có thể là bảng kiểm) đã được cung cấp trước.	Triển khai các ý tưởng thành bài viết sao cho đáp ứng các yêu cầu về kiểu bài. Việc dùng các tiêu chí, bảng kiểm khi viết giúp người viết có khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh trong quá trình viết.
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	Dựa vào những tiêu chí đánh giá bài viết (có thể là bảng kiểm) để đánh giá bài viết, từ đó chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn cho hoàn thiện hơn.	Giúp người viết đánh giá lại bài viết của mình hoặc của bạn dựa trên các yêu cầu về kiểu bài. Từ đó có thể phát triển năng lực tự đánh giá, tự điều chỉnh bài viết của bản thân sao cho phù hợp hoặc biết phản biện bài viết của nhau khi nhận xét, đánh giá lẫn nhau.

6. Dựa vào yêu cầu đối với kiểu bài văn tả cảnh sinh hoạt (SGK) để hoàn thành sơ đồ, gọi ý cụ thể các yêu cầu như sau:

- a. Giới thiệu được cảnh sinh hoạt, thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.
- b. Tả lại cảnh sinh hoạt theo một trật tự hợp lí (từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể, ...).
- c. Thể hiện được hoạt động của con người trong thời gian, không gian cụ thể.
- d. Gọi tả được quang cảnh, không khí chung, những hình ảnh tiêu biểu, nổi bật của bức tranh sinh hoạt.
- đ. Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động, ...
- e. Nêu được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả

7. Các đặc điểm ở dòng 1 và 2 thuộc đặc điểm hình thức, các đặc điểm ở những dòng còn lại vừa thuộc đặc điểm nội dung vừa thuộc đặc điểm hình thức.

8. Dựa trên yêu cầu của kiểu bài kể lại một truyện cổ tích (SGK) và yêu cầu của kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân (SGK) để xác định những điểm giống và khác nhau giữa hai kiểu bài này. GV có thể hướng dẫn HS điền vào sơ đồ hoặc điền vào bảng sau:

- Điểm giống nhau: đều là kiểu bài thuộc loại văn kể chuyện.
- Điểm khác nhau:

Kiểu bài kể lại một truyện cổ tích	Kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân
Nội dung: Người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.	Nội dung: Người viết kể về diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng, cảm xúc.
Người viết dùng ngôi thứ ba để kể.	Người viết dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm của bản thân.
<ul style="list-style-type: none"> <li>Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.</li> <li>Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí.</li> <li>Kết hợp kể và tả.</li> <li>Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.</li> </ul>
<b>Bố cục:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mở bài: giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do chọn kể,...).</li> <li>Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.</li> <li>Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.</li> </ul>	<b>Bố cục:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mở bài: giới thiệu được trải nghiệm.</li> <li>Thân bài: trình bày diễn biến của sự việc.</li> <li>Kết bài: nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết.</li> </ul>

9. Trước khi nói hay trình bày một vấn đề, việc trả lời những câu hỏi liên quan đến người nghe, mục đích nói, nội dung nói, thời gian nói và không gian nói giúp chúng ta có sự chuẩn bị tốt hơn cho bài nói/ trình bày của mình cũng như có sự lựa chọn ngôn ngữ sao cho phù hợp với các yếu tố đó.

10. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt về Từ đơn và từ phức* ở bài học *Lắng nghe lịch sử nước mình* để hoàn thành sơ đồ.

11. Gợi ý bài tập như sau:

a. Các từ đơn có trong câu “Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê”: đã, rồi, cánh, mà, chỉ, đến, giữa, lưng, hở, trần, hở, cả, như, người, mặc.

b. Các từ ghép có trong đoạn văn: “dé choắt”, “thuốc phiện”, “thanh niên”, “ngắn cùn”, “mạng sườn”, “áo gi-lê”, “râu ria”, “mặt mũi”.

Các từ láy có trong đoạn văn: “gầy gò”, “lêu nghêu”, “bè bè”, “nặng nề”, “ngẩn ngẩn ngơ ngơ”. Việc sử dụng từ láy trong đoạn văn giúp cho việc miêu tả trở nên gợi hình, sinh động, cụ thể hơn; đồng thời những từ láy ấy còn thể hiện thái độ mỉa mai, coi thường của người kể chuyện (Dế Mèn) đối với đối tượng được miêu tả (Dế Choắt).

c. Những trường hợp như “râu ria”, “mặt mũi” không phải là từ láy vì đó là những từ phức được tạo nên bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. Do đó “râu ria”, “mặt mũi” là những từ ghép.

12. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt* của bài học *Những trải nghiệm trong đời*, GV hướng dẫn HS trả lời những câu hỏi liên quan đến việc mở rộng các thành phần chính của câu bằng cụm từ. Trên cơ sở ấy, GV hướng dẫn HS mở rộng các câu trong bài tập và yêu cầu HS chỉ rõ mở rộng các câu ấy bằng những cách nào.

13. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt* của bài học *Về đẹp quê hương*, GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi về những thao tác lựa chọn từ ngữ sao cho phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản khi nói (viết). Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống, cụ thể như sau: a. *nồng nhiệt*; b. *đồng ý*; c. *nhược điểm*; d. *tạc*.

Sau khi HS lựa chọn, GV cần yêu cầu HS lí giải vì sao lại chọn từ ngữ ấy. HS sẽ dựa trên các thao tác lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản để lí giải. Ví dụ như đối với câu a, cả từ “nồng nhiệt” và “nhiệt tình” đều miêu tả sự hăng hái, sốt sắng hết mình đối với một hoạt động cụ thể. Tuy nhiên nghĩa từ “nồng nhiệt” bao quát hơn nghĩa của từ “nhiệt tình” khi diễn tả không chỉ sự nhiệt tình mà còn gợi được cả tình cảm nồng hậu, thấm thiết của người thực hiện hoạt động. Do vậy, trong trường hợp của câu a, việc dùng từ nồng nhiệt sẽ hay hơn và miêu tả rõ hơn, cụ thể hơn sự cổ vũ vừa nhiệt tình, vừa nồng hậu, hết mình của người xem với những người tham gia hoạt động thổi cơm thi.

14. Dựa vào nội dung *Tri thức tiếng Việt* của bài học *Trò chuyện cùng thiên nhiên*, GV hướng dẫn HS xác định điểm giống và khác nhau giữa biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ. Gợi ý cụ thể như sau:

– Điểm giống nhau:

- + Đều là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác.
- + Tác dụng: tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt.

– Điểm khác nhau:

+ Ẩn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng.

+ Hoán dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó.

15. Xác định ẩn dụ và hoán dụ trong những ví dụ:

a. Hình ảnh ẩn dụ “mặt trời của mẹ” trong câu thơ “Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng” được dùng để chỉ những em bé lớn trên lưng mẹ.

b. Hình ảnh ẩn dụ: “lửa lựu” trong câu thơ “Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông” được dùng để miêu tả những bông hoa lựu đỏ xen lẫn giữa màu xanh của các tán lá, trông giống như những đóm lửa lập loè.

c. Hình ảnh hoán dụ “đôi dép cũ” trong câu thơ “Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn” được dùng để tượng trưng cho hình ảnh Bác.

16. Xác định trạng ngữ và chức năng của chúng trong đoạn văn:

+ “Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam”: trạng ngữ này được dùng để chỉ thời gian của sự việc được nhắc đến trong câu.

+ “Bấy giờ, ở vùng Lam Sơn”: trạng ngữ “bấy giờ” được dùng để chỉ thời gian diễn ra sự việc được nhắc đến trong câu và liên kết câu chứa trạng ngữ với câu trước đó; trạng ngữ “ở vùng Lam Sơn” được dùng để chỉ nơi chốn diễn ra của sự việc.

+ “Thấy vậy”: Trạng ngữ này được dùng để liên kết câu chứa trạng ngữ với những câu trước đó.

